

Trung học phổ thông Segerstrom

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thi DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Trung học phổ thông Segerstrom
Đường	2301 West MacArthur Blvd.
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Santa Ana, CA 92704
Số điện thoại	(714) 241-5000
Hiệu trưởng	David Casper
Địa chỉ Email	David.Casper@sa.usd.us
Trang web của Trường	www.sa.usd.us/segerstrom
Mã Học khu của Quận (CDS)	30-66670-0108365

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	Học khu Thống nhất Santa Ana
Số điện thoại	714-558-5501
Giám đốc	Jerry Almendarez
Địa chỉ Email	jerry.almendarez@sa.usd.us
Website Học khu	www.sa.usd.us

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Segerstrom High (Segerstrom) là một trường cơ bản, được xác định bởi cả triết lý và kỳ vọng. Vừa là “trường chọn” vừa là trường học tại khu vực, học sinh Segerstrom đến từ hai nguồn. Ưu tiên ghi danh cho những học sinh cư trú trong phạm vi đi học của trường. Số lượng còn lại được phân bổ thông qua hệ thống xổ số của học khu. Tất cả phụ huynh, học sinh và nhân viên phải ký một thỏa thuận và tuân thủ thỏa thuận đó khi hoàn thành các nhiệm vụ, duy trì thói quen đi học đều đặn và tuân thủ nhiều chính sách khác của trường. Là một trường trung học cơ bản, Segerstrom cung cấp một chương trình giảng dạy cốt lõi toàn diện, theo tiêu chuẩn trên cơ sở của những kỳ vọng cao và trách nhiệm đối với mọi người. Trọng tâm chính là chương trình có cấu trúc chặt chẽ về các kỹ năng đọc viết học thuật cơ bản và nâng cao, đồng thời nhấn mạnh thêm việc thiết lập các kỹ năng tổ chức và học tập vững chắc. Nhà trường tìm cách tuyên truyền cho mỗi học sinh tinh thần trách nhiệm, hình ảnh bản thân tích cực và tự hào về thành tích. Đọc viết là trọng tâm, với việc học sinh phải thực hành các trụ cột của Kết quả học tập của học sinh (Khả năng phục hồi, Quyền sở hữu, Thành tích và Sự tôn trọng) thông qua quá trình viết. Nhân viên của Segerstrom đã cam kết xây dựng văn hóa hướng tới đại học, nơi học tập xuất sắc đáp ứng trách nhiệm của học sinh, tận tâm đảm bảo rằng mọi học sinh đều đáp ứng hoặc vượt quá yêu cầu đầu vào đại học bốn năm. Cơ sở của cam kết này là hỗ trợ rộng rãi thông qua nhiều biện pháp can thiệp và hệ thống hỗ trợ trong toàn trường. Điều này được thể hiện qua sự can thiệp trong giờ học các môn toán và ELA cũng như sau giờ học trong chương trình sau giờ học của chúng tôi có tên là After School Jags (ASJ). Các giáo viên hợp tác làm việc trong các cộng đồng học tập chuyên nghiệp để liên tục cải thiện các phương pháp giảng dạy, đồng thời phát triển các cộng đồng học tập nhỏ hơn cho phép học sinh nhận được nhiều sự quan tâm đến từng cá nhân hơn. Segerstrom đã xây dựng Tiết học chủ nhiệm/hội thảo nhằm thúc đẩy học sinh tham gia học tập. Bốn thành phần của Tiết học chủ nhiệm bao gồm Tinh thần Jaguar, Văn hóa Jaguar, Hỗ trợ học sinh và kết nối Jaguar. Giờ hành chính là khối can thiệp nơi học sinh có thể làm lại các bài kiểm tra, học một kỹ năng hoặc hoạt động.

Tầm nhìn chiến lược:

Tạo ra một cộng đồng phối hợp giữa nhân viên, phụ huynh và học sinh trong kỳ nguyên học tập suốt đời.

Tuyên bố Sứ mệnh:

Duy trì một môi trường vừa có tính thách thức vừa hỗ trợ nhiệt tình, cho phép học sinh phát triển những kỹ năng và chiến lược cần thiết để thành công sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023	
Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	666
Lớp 10	699
Lớp 11	559
Lớp 12	599
Tổng Ghi danh	2,523

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23	
Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.1
Nam	49.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	5.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.5
Người Phi Luật Tân	0.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	91.2
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung	0.7
Người Da trắng	1.1
Sinh viên nói tiếng anh	11.8
Những đứa con nuôi	0.4
Vô gia cư	7.1
Nhập cư	0.2
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	53.9
Học sinh khuyết tật	7.1

A. Điều kiện Học tập	Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1): - Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy; - Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và - Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.
----------------------	--

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	81.20	88.83	1683.40	86.66	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	7.30	0.38	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	5.30	5.81	56.10	2.89	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	17.70	0.91	12115.80	4.41
Không xác định	4.90	5.36	177.80	9.16	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	91.40	100.00	1942.60	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	
Bổ nhiệm sai	5.30	
Các vị trí còn trống	0.00	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	5.30	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.00	

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	5.60	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	1.10	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Toàn bộ sách giáo khoa sử dụng trong các chương trình giảng dạy chính trên toàn Học khu Thống nhất Santa Ana đều tuân thủ các Khung chương trình và Tiêu chuẩn nội dung của California. Tài liệu giảng dạy cho các lớp K-8 được lựa chọn từ danh mục tài liệu dựa trên tiêu chuẩn của tiểu bang và được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang thông qua. Tài liệu giảng dạy cho lớp 9-12 là tài liệu dựa trên tiêu chuẩn và đã được Hội đồng Ủy thác của học khu phê chuẩn. Vào ngày 27 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Ủy thác của Học khu Thống nhất Santa Ana đã tổ chức một phiên tham vấn công khai để chứng nhận phạm vi cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho học sinh. Hội đồng Ủy thác đã thông qua Nghị quyết Số 22/23-3481 chứng nhận theo yêu cầu của Bộ luật Giáo dục §60119 rằng trong năm học 2022-2023, Học khu Thống nhất Santa Ana đã cung cấp đủ sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy, hoặc cả hai, phù hợp với nội dung và các chu kỳ của khung chương trình giảng dạy mà Hội đồng Tiểu bang đã thông qua, cho mỗi học sinh bao gồm cả những học sinh đã đăng ký khóa học về ngoại ngữ hoặc sức khỏe, và rằng tất cả học sinh từ lớp 9-12 đều được sử dụng đầy đủ thiết bị thí nghiệm khoa học dành cho các khóa học cần sử dụng phòng thí nghiệm khoa học.

Tháng, năm thu thập dữ liệu		Ngày 27 tháng 9 năm 2022	
Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng

		Gần nhất?	
Độc/Ngôn ngữ			
Toán			
Khoa học			
Lịch sử-Khoa học Xã hội			
Ngoại ngữ			
Giáo dục Sức khỏe			
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn			
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Nhân viên trông giữ trường và bộ phận bảo trì của học khu phối hợp cùng nhau để đảm bảo các lớp học và sân chơi trong khuôn viên luôn được bảo quản tốt, an toàn và hữu dụng cho cả học sinh, nhân viên và khách ghé thăm. Bộ phận Bảo Trì và Điều Hành (M&O) sử dụng một hệ thống giao việc điện tử cho phép nhân viên nhà trường thông báo các nhu cầu bảo trì ngoài dự kiến, yêu cầu sửa chữa khẩn cấp hoặc các dự án đặc biệt. Hầu hết các dự án sửa chữa và bảo trì của trường đều được thực hiện bởi các chuyên gia có trình độ cao và chuyên nghiệp của học khu. Người trông giữ trường hoặc nhân viên bảo trì của học khu sẽ xử lý những tình huống khẩn cấp ngay lập tức, dựa trên bản chất của tình huống. Người trông giữ ca ngày và ca đêm sẽ phối hợp làm việc chặt chẽ với nhau và với hiệu trưởng để thực hiện nhiệm vụ bảo trì, trông giữ hàng ngày cũng như để chuẩn bị cho các sự kiện đặc biệt. Hiệu trưởng và người trông giữ ca ngày sẽ trao đổi hàng ngày về nhu cầu vệ sinh và các mối lo ngại về an toàn trong khuôn viên trường. Mỗi buổi sáng trước khi bắt đầu giờ học, người trông giữ, hiệu trưởng và trợ lý hiệu trưởng sẽ kiểm tra an toàn, hình vẽ graffiti và những điều kiện khác tại các cơ sở trong trường mà cần được xử lý trước khi học sinh và nhân viên đến trường. An toàn và vệ sinh trường học là ưu tiên cao nhất của người trông giữ và cũng là nhiệm vụ trọng tâm hàng ngày của họ. Quản trị viên của M&O có trách nhiệm đào tạo người trông giữ về các quy trình vệ sinh phù hợp, cách sử dụng hóa chất và trang thiết bị. Người trông giữ ca ngày có trách nhiệm tuân theo một bộ tiêu chuẩn vệ sinh và quy trình ưu tiên có sẵn đối với công tác bảo trì khuôn viên nói chung. Người trông giữ ca ngày sẽ kiểm tra các phòng vệ sinh hai lần/ngày để đảm bảo rằng khu vực này luôn đầy đủ đồ dùng, an toàn và vệ sinh. Người trông giữ ca đêm có trách nhiệm vệ sinh toàn bộ các lớp học, khu vực văn phòng và nhà vệ sinh. Văn phòng học khu sẽ cử người trông giữ sân trường để thực hiện công tác bảo trì chung cho cảnh quan, sân vườn, sân thể thao và hệ thống tưới tiêu.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 15 tháng 7 năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Khủng khiếp	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	60	Không có thông tin	31	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	25	Không có thông tin	19	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	539	530	98.33	1.67	59.81
Nữ	276	271	98.19	1.81	64.58
Nam	263	259	98.48	1.52	54.83
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.00	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	30	30	100.00	0.00	86.67
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	488	480	98.36	1.64	57.29
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	13	12	92.31	7.69	83.33
Sinh viên nói tiếng anh	52	51	98.08	1.92	7.84
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	42	42	100.00	0.00	59.52
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	331	325	98.19	1.81	56.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	37	34	91.89	8.11	20.59

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	539	531	98.52	1.48	24.86
Nữ	276	272	98.55	1.45	22.79
Nam	263	259	98.48	1.52	27.03
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.00	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	30	30	100.00	0.00	66.67
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	488	481	98.57	1.43	21.83
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	13	12	92.31	7.69	33.33
Sinh viên nói tiếng anh	52	51	98.08	1.92	0.00
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	42	42	100.00	0.00	26.19
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	331	326	98.49	1.51	20.86
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	37	35	94.59	5.41	2.86

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	26.32	24.45	16.34	15.3	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	1154	1138	98.61	1.39	24.45
Nữ	565	557	98.58	1.42	23.24
Nam	589	581	98.64	1.36	25.61
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	70	68	97.14	2.86	61.76
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1040	1027	98.75	1.25	21.39
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	19	18	94.74	5.26	44.44
Sinh viên nói tiếng anh	89	88	98.88	1.12	0
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	86	84	97.67	2.33	23.81
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	740	727	98.24	1.76	22.61
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	69	65	94.2	5.8	4.62

Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Chương trình Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp (CTE) của SAUSD cung cấp các khóa học đổi mới và đầy thử thách với khả năng tiếp cận bình đẳng để chuẩn bị cho tất cả học sinh sẵn sàng vào đại học và nghề nghiệp. Học sinh tham gia các khóa học trong ngày giảng dạy thông thường, trong các chương trình học tập mở rộng sau giờ học và thông qua các chương trình học tập ảo. Các lớp CTE được sắp xếp theo chiều dọc từ TK-12 bắt đầu với nhận thức nghề nghiệp ở lớp TK-5, khám phá nghề nghiệp từ lớp 6 đến lớp 8, đồng thời đạt đến đỉnh cao với trải nghiệm học tập dựa trên công việc ở trường trung học.

Học sinh hoàn thành chuỗi các khóa học CTE kết hợp được gọi là lộ trình nghề nghiệp tập trung vào chương trình học cụ thể theo ngành trong khoảng từ hai đến bốn năm. Các khóa học CTE của SAUSD bao gồm nhiều lựa chọn nghề nghiệp có mức lương cao, kỹ năng cao và nhu cầu cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học (STEAM). Các cuộc thi khu vực, quận và tiểu bang CTE giúp học sinh xây dựng các kỹ năng ngành và kỹ năng lãnh đạo thông qua tham gia vào các tổ chức học sinh kỹ thuật nghề nghiệp (CTSO). SAUSD CTE tiếp tục tập trung vào mở rộng các chứng chỉ được đề xuất trong ngành có liên quan và mang đến cho sinh viên cơ hội học tập dựa trên công việc tại các doanh nghiệp đối tác trong cộng đồng của chúng tôi thông qua thực tập, đi thực địa và diễn giả khách mời.

Các khóa học CTE của SAUSD kết hợp thể giới thực phù hợp với sự nghiêm túc trong học tập và được điều chỉnh để đáp ứng cả Tiêu chuẩn CTE của Tiểu bang California và học tập. Các khóa học CTE cũng đáp ứng các yêu cầu đầu vào “A-G” đối với hệ thống Đại học California (UC) và Đại học Tiểu bang California (CSU). Ngoài ra, nhiều khóa học CTE ở trường trung học của chúng tôi cung cấp tín chỉ ghi danh kép hoặc chuyển tiếp với các trường đại học tại địa phương cho phép học sinh tích lũy tín chỉ cho cả lớp trung học và đại học.

Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	658
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	67.9
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	99.52
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	55.99

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022					
Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.					
Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 9	93.6	93.9	94.5	93.8	94.2

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023
Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào cộng đồng học tập của trường Trung học phổ thông Segerstrom bằng cách tự nguyện dành thời gian, tham gia các sự kiện của nhà trường, hoặc chia sẻ quá trình ra quyết định. Mời phụ huynh học sinh đi cùng trong các chuyến đi thực tế cũng như hỗ trợ trong các sự kiện đặc biệt. Trường Trung học phổ thông Segerstrom tạo nhiều cơ hội để phụ huynh học sinh tương tác với nhân viên nhà trường khi hỗ trợ nỗ lực học hành của con cái họ; những cơ hội này có thể bao gồm: • • Đêm Tựu Trường/Áo • Mời Phụ Huynh Dự Giờ • Chương trình biểu diễn của học sinh như âm nhạc, hợp xướng và/hoặc kịch nghệ • Các chương trình gây quỹ • Đêm đại học/Áo • Các sự kiện thể thao • Các hoạt động tốt nghiệp • Trung tâm thể chất– Gặp gỡ và Sự kiện với Phụ huynh • Chương trình ghi nhận thành tích của học sinh • Đêm Parent Technology (Phụ huynh với Công nghệ) • Đêm College Late Nights/FAFSA • Cafecitos (cà phê trò chuyện) • Disciplina Positiva parenting classes • Hội thảo hỗ trợ tài chính và ứng tuyển đại học • After School Jags'---mang đến cho phụ huynh cơ hội tham gia buổi đào tạo về công nghệ cùng nhiều hoạt động khác. • Các cuộc họp phụ huynh về LCAP • School Climate Committee Meetings

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

- Ngày hội chọn trường trên toàn học khu
- Đêm thông tin cho phụ huynh của học sinh lớp 8
- Các cuộc gặp tư vấn riêng/Ảo
- Các cuộc họp Booster/Ảo
- GATE parent nights/Ảo
- Hội đồng Khu Trường học/Ảo
- Hội đồng Tư vấn Anh Ngữ/Ảo
- Tổ chức Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSO)
- Các nhóm trọng tâm WASC
- ChASC trrSC khảo ssả Bright-Bytes – Tooi cảnh
- Chnhgh trrhg khảo ssả Healthy Schools
- Họp phụ huynh ảo

Những phụ huynh học sinh muốn có thêm thông tin về việc trở thành thành viên tích cực trong cộng đồng nhà trường có thể liên hệ với hiệu trưởng hoặc trợ lý hiệu trưởng theo số (714) 241-5000.

Việc trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình được thực hiện bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Tây Ban Nha. Ngoài ra, hệ thống điện thoại tự động Blackboard còn gửi riêng tin nhắn dưới dạng email và tin nhắn thoại cho phụ huynh học sinh bằng một vài ngôn ngữ. Blackboard cũng có thể cho phép phụ huynh học sinh trả lời tin nhắn qua thư thoại hoặc email. Thông qua việc trao đổi định kỳ và công bố đặc biệt, nhà trường thông báo cho phụ huynh học sinh về tin tức của nhà trường, các hoạt động của học sinh, lịch trình, thay đổi chính sách, và cập nhật chương trình giảng dạy tại lớp học. Để thực hiện được hình thức giao tiếp này, Segerstrom sử dụng các phương tiện dưới đây:

- Trang web của nhà trường
- Hệ thống gửi tin nhắn ParentSquare
- Mạng xã hội: Facebook/Twitter/Instagram
- Kênh dịch vụ công 31 hoặc 51
- Thư tin tức của nhà trường và/hoặc lớp
- Peachjar để phân phát từ rơi điện tử
- Thư
- Biểu ngữ của trường
- Định hướng học sinh mới

Email nhà trường

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học		0.3	0		2.6	3.7		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp		99.2	99.3		91.4	92.4		84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bắt kỳ học sinh	608	604	99.3
Nữ	282	280	99.3
Nam	326	324	99.4
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	38	38	100.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	547	543	99.3
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	49	47	95.9
Những đứa con nuôi	--	--	--
Vô gia cư	48	46	95.8
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	499	495	99.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	36	32	88.9

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bắt kỳ học sinh	2565	2547	481	18.9
Nữ	1282	1274	243	19.1
Nam	1283	1273	238	18.7
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	3	3	0	0.0
Người gốc Châu Á	139	139	11	7.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	12	12	3	25.0
Người Phi Luật Tân	16	16	4	25.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2340	2324	449	19.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	7	7	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	16	16	6	37.5
Người Da trắng	32	30	8	26.7
Sinh viên nói tiếng anh	309	304	68	22.4
Những đứa con nuôi	13	12	4	33.3
Vô gia cư	188	188	50	26.6
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1764	1756	347	19.8
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	8	8	0	0.0
Học sinh khuyết tật	186	184	55	29.9

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.80	2.24	2.45
Đuổi học	0.04	0.04	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.04	4.60	0.02	3.55	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.04	0.00	0.03	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	4.60	0.04
Nữ	3.28	0.00
Nam	5.92	0.08
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	2.16	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	8.33	0.00
Người Phi Luật Tân	6.25	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	4.74	0.04
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	6.25	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	7.77	0.00
Những đứa con nuôi	15.38	0.00
Vô gia cư	6.38	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	4.82	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	6.45	0.00

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Ngày phê duyệt Kế hoạch an toàn: 01/02/2022

Nhà trường đã phối hợp cùng cơ quan thi hành pháp và Văn phòng Học khu để xây dựng Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) nhằm thực hiện các yêu cầu của Dự Luật 187. CSSP được quản lý bởi Học khu thông qua hệ thống Theo dõi Tài liệu. Kế hoạch mới nhất của nhà trường đã được rà soát và cập nhật để giải quyết các vấn đề về an toàn, an ninh và sự chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Nhà trường cần phải rà soát và cập nhật Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) của mình cùng với các Hội đồng Khu Trường học và/hoặc Ủy ban An toàn. Mỗi trường học cũng phải gặp gỡ Phòng cảnh sát Học khu Thống nhất Santa Ana hàng năm để thảo luận về quyền ra/vào, dữ liệu tội phạm và các yếu tố khác liên quan đến Phòng ngừa Tội phạm Thông qua Thiết kế Môi trường (CPTED).

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	29	17	18	53
Toán	30	9	24	46
Khoa học	30	5	35	29
Khoa học Xã hội	31	12	11	47

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	17	30	45
Toán	31	9	16	54
Khoa học	32	5	20	43
Khoa học Xã hội	30	10	20	40

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	21	50	28	43
Toán	23	39	25	43
Khoa học	22	32	32	28
Khoa học Xã hội	22	35	19	41

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	280.33

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	9.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	11.0

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$7,499.40	\$1,056.88	\$6,442.51	\$104,905.87
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,279	\$99,342
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-12.2	8.0
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$85,368
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-26.9	21.4

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

- 21st Century ASSETS
- Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21
- Giáo dục và An toàn Sau giờ học (ASES)
- Chương trình Thí điểm Giảng dạy Kids Code Sau giờ học
- AVID-OCDE Destination Graduation
- Đạo luật Nghề nghiệp Năng lượng Sạch California
- California Partnership Academies
- Chương trình Tác giả Học sinh California
- CalOptima - Chương trình và Dịch vụ Chăm sóc Cơ bản giúp Giải quyết các Yếu tố Xã hội Quyết định Sức khỏe
- Mạng lưới Lãnh đạo CAPP tại SAHS
- Carl D Perkins Mục 131 về Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp
- Circulo
- Tài trợ Khối Phát triển Chuyên nghiệp cho Nhân viên Nhà trường đã Phân loại
- Mạng lưới Cộng tác với các giáo viên giảng dạy từ lớp 3 đến lớp 5 về Tư duy Tính toán cho Học sinh học Tiếng Anh
- Chương trình Phòng chống Bạo lực Học đường của Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Cộng đồng (COPS)
- Quỹ cứu trợ Coronavirus
- CTE Incentive Grant Program
- Education for Homeless Children and Youth
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học I
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học II
- Sáng kiến Hứa hẹn của Phụ huynh ePrize
- Tiêu đề IV, Phần A của Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (ESSA), Hỗ trợ Sinh viên và Tài trợ Bồi dưỡng Học tập
- Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học: Quỹ tài trợ CSI LEA
- Quỹ cứu trợ Giáo dục Khẩn cấp của Thống đốc
- Head Start
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nòng cốt K12 (từ OCDE)
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nòng cốt K12
- Chương Trình Sẵn Sàng Cho Mẫu Giáo II
- Dự án Lighthouse Academy - Sáng kiến CTE của Thống đốc: CA Partnership Academies
- Xổ số: Tài liệu Giảng dạy
- Tài trợ Khối Học sinh có Thành tích Kém
- Tùy chọn Thanh toán Medi-Cal
- Giáo dục cho người nhập cư
- Trung tâm Oasis Quốc tế (OCI)

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

- Tổ chức Tài trợ OCDE TUPE
- Kê khai Bảo Trì Liên Tục và Sửa chữa lớn
- Dự luật 98 về Quỹ Giảm thiểu Mất mát trong Học tập
- SB117 COVID-19 Quỹ ứng phó LEA
- Giáo dục đặc biệt
- Tài trợ SUMS (Mở rộng hệ thống hỗ trợ đa tầng)
- Các chương trình bổ sung-Chương trình Trung Học Chuyên Nghiệp (Specialized Secondary)
- Tiêu đề I, Phần A
- Tiêu đề III Chương trình giáo dục cho người nhập cư
- Tiêu đề III Chương trình LEP cho học sinh không thành thạo tiếng Anh
- Tiêu đề II-Phần A Cải thiện chất lượng giáo viên

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$60,304	\$51,081
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$90,222	\$77,514
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$116,846	\$105,764
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$147,227	\$133,421
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$140,656	\$138,594
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$163,083	\$153,392
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$350,000	\$298,377
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	33%	32%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	4%	5%

Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	32.5
---	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	10
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	1
Ngoại ngữ	7
Toán	5
Khoa học	8
Khoa học Xã hội	24
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	55
Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	

Phát triển Chuyên môn

Toàn bộ chương trình giảng dạy và hoạt động cải tiến dạy học tại Segerstrom đều tuân thủ Kế hoạch LCAP và Trường học để nâng cao Thành tích của Học sinh. Các chương trình này bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- Chương trình đào tạo Advanced Placement (Xếp bậc Nâng cao - AP)
- Chương trình đào tạo AVID (Tiến bộ Nhờ Quyết tâm Cá nhân)
- Công nghệ giáo dục thông qua các hội nghị CUE và OCCUE, Ứng dụng của Google cho Giáo dục Đào tạo
- Chương trình đào tạo Nghệ thuật Anh Ngữ thông qua Dự án Viết luận UCI và các hội nghị của Hiệp hội Giáo viên Anh ngữ CA
- ERWC (Expository Reading and Writing Course - Khóa học Đọc và Viết Văn mô tả)
- Phát triển chuyên môn khoa học thông qua hội nghị của Hiệp hội Giáo viên Khoa học Quốc gia (NSTA)
- Chương trình đào tạo phát triển ngôn ngữ thông qua hội nghị của Hiệp hội Nhà giáo Song ngữ CA và OCDE được thiết kế để nâng cao chất lượng học tập cho EL
- Chương trình đào tạo về đánh giá và dữ liệu bao gồm đào tạo về MAP và Aeries
- Chương trình đào tạo về Data Based Questions (Câu hỏi Dựa trên Dữ liệu - DBQ)
- Chương trình đào tạo Công nghệ CTAP (California Technology Assistance Project - Dự án Hỗ trợ Công nghệ California)
- Chương trình đào tạo GATE (Gifted and Talented Education - Giáo dục cho Học sinh Năng khiếu và Tài năng)
- Giáo dục Đặc biệt

Hầu hết các chương trình phát triển chuyên môn đều được tổ chức ngay trong ngày tại trường học. Các chuyên gia thuộc biên chế nhà trường cùng nhiều chuyên gia từ bên ngoài học khu đã đến tham dự nhằm giảng dạy cho học sinh các khóa đào tạo trên. Các chiến lược AVID cũng được giảng dạy một cách toàn diện và là một phần trong quá trình phát triển nghề nghiệp của trường. SAUSD mang tới chương trình phát triển chuyên môn năm ngày một tuần xoay quanh những năng lực cơ bản mà mỗi giáo viên cần có để bắt đầu giảng dạy trong năm học mới. Bao gồm: Google Classroom, Canvas, Phát triển Chương trình Giảng dạy (từng môn học), ParentSquare, SEL, Google Meet và nhiều chương trình phát triển chuyên môn tự chọn khác để làm phong phú bài giảng.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
---------	---------	---------	---------

Phát triển Chuyên môn			
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	15	20	27